TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa anh Dũ và chị C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quốc Thịnh
2. Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST – HNGĐ ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 1991(Có mặt);
Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.
- ***Bị đơn:*** Chị Ngô Thị Bé C, sinh năm 1991 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/01/2019 và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn D trình bày: Anh và chị C cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2016 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nhau nên thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018cho đến nay. Từ khi ly thân, anh D và chị C không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cũng không có động thái gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân nên nay anh khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 26/6/2017 hiện đang sống với chị C. Anh D yêu cầu để chị C được tiếp tục nuôi con chung và anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 31/7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn chị Ngô Thị Bé C, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị C không nộp tường trình nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn chị Ngô Thị Bé C, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị C nhưng chị C vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

Anh Nguyễn Tấn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị Bé C là quan hệ pháp luật ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn D và chị Ngô Thị Bé C cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2016 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, cả hai cũng không cố gắng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nên vợ chồng đã sống ly thân cuối năm 2018 đến nay. Nay anh D yêu cầu ly hôn với chị C, chị C không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh D và chị C cũng không đến Tòa án để giải quyết cho thấy chị C không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh D.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa anh D và chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị C.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 26/6/2017 hiện đang sống với mẹ. Anh D có yêu cầu để chị C được tiếp tục nuôi con chung, hiện tại cháu D dưới 36 tháng tuổi, đang sống với mẹ ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu D cho chị C được quyền nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng tính từ ngày 31/7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên ghi nhận. Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai

được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: Anh D và chị C không có tài sản chung nên không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: Anh D và chị C không có nên không đề cập.

[2.6] Về án phí: Anh Nguyễn Tấn D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Tấn D đối với chị Ngô Thị Bé C.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn D được ly hôn với chị Ngô Thị Bé C.

2. Về nuôi con: Chị Ngô Thị Bé C được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 26/6/2017. Anh D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 31/7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000816 ngày 15/02/2019 của C cục thi hành án dân sự huyện C, anh D còn phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và

9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Út